

Bản án số: **456/2024/HS-PT**
Ngày: 23-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tấn Hoàng**
Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**
ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 425/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Hoàng Văn T** bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

HOÀNG VĂN TÙNG, sinh ngày: 02/10/1995 tại Hưng Yên; Nơi cư trú: 2 M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn Đ** (sinh năm: 1959) và bà **Trịnh Thị H** (sinh năm: 1960); Vợ: **Nguyễn Thị Hồng V** (sinh năm: 1995), có 1 con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2023 đến ngày 23/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư **Nguyễn Văn T1 - Công ty L**, là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- Bị hại: Ông **Shangaraev A** - Sinh ngày: 22/3/1987 (Quốc tịch: Nga).

Địa chỉ: P Khách sạn A1, số C P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút sáng ngày 13/12/2023, Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49L1-100.59 (xe của chị Nguyễn Thị Hồng V là vợ của T) đi trên đường T. Khi đến khu vực bãi biển Đ T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, T phát hiện 01 túi xách trên bãi cát, không có người trông giữ nên đã dừng xe, lên lút đến lấy trộm chiếc túi xách của ông Shangaraev A (Quốc tịch: Nga) rồi lên xe bỏ đi. Khi đến đầu đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, T dừng lại lục lọi bên trong túi xách thấy có 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen; 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Apple màu hồng, số tiền: 1.265.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng Việt Nam) và 52 USD (Năm mươi hai Đô la Mỹ). T cất số tài sản trên vào túi của mình rồi bỏ lại túi xách bên lề đường trước nhà số B đường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại Iphone 13 vừa trộm cắp được đến bán tại tiệm C1 (do ông Lê Thanh C làm chủ), địa chỉ: A L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Khoảng 13 giờ cùng ngày, ông Shangaraev A theo định vị điện thoại và đi tìm thì thấy T đang đứng gần tiệm internet LM, địa chỉ: số B T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nên giữ lại và báo Công an phường V đến làm việc. Tại Cơ quan Công an T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 590/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố N kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 trị giá 15.192.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR trị giá 4.200.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Apple trị giá 3.954.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 23.346.000 đồng. Riêng túi xách không đủ thông tin định giá.

Ngày 16/4/2024, Chi nhánh K Ngân hàng N có Công văn số 386/KHH-THNSKSNB xác định: Tỷ giá trung tâm của Đ1 so với Đồng Đô la M trên trang Web www.sdv.gov.vn vào tháng 12/2023 là 23.993 VND/USD. Do đó, 52 USD (Năm mươi hai Đô la Mỹ) có giá trị là 1.247.636 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng Việt Nam).

Trong quá trình điều tra bị can Hoàng Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 01-07-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 9 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời hạn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2023 đến ngày 23/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 01 - 7 - 2024, bị cáo **Hoàng Văn T** có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn T** và cho bị cáo được hưởng án treo như phân tích của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, người bị hại và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh K** quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định: khoảng 02 giờ 00 phút sáng ngày 13/12/2023, **Hoàng Văn T** điều khiển xe mô tô đi trên **đường T**, khi đến khu vực **bãi biển Đ T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**, **T** phát hiện 01 túi xách trên bãi cát, không có người trông giữ, bị cáo nhìn xuống biển thấy có 2 người đang tắm biển

nên đã dùng xe lấy trộm chiếc túi xách của ông **Shangaraev A** (Quốc tịch: Nga) rồi lên xe bỏ đi. Bên trong túi xách thấy có 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu hồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen; 01 (một) đồng hồ đeo tay hiệu Apple màu hồng, số tiền: 1.265.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng Việt Nam) và 52 USD. Tổng trị giá tài sản là: 25.858.636 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Hoàng Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất hành vi và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo:

Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác là sai trái và vi phạm pháp luật. Song vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại ông **Shangaraev A** để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần phải có hình phạt thích đáng đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, tài sản phạm tội đã được bị cáo trả lại cho người bị hại và bị cáo cũng đã trực tiếp bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Lê Thanh C** (anh **C** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét về hoàn cảnh gia đình, bị cáo có vợ và 01 con sinh ngày: 30/7/2023 (con mới 01 tuổi), bị cáo vừa mới hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo cũng có nhiều thành tích, đóng góp cho địa phương nên được chính quyền địa phương tặng 03 giấy khen. Nên xét các tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, nhất thời phạm tội nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo mình, sửa chữa lỗi lầm của bản thân, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn T**, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật

Tổ tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Văn T**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần hình phạt đối với bị cáo **Hoàng Văn T**.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: **Hoàng Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 23/9/2024).

Giao bị cáo **Hoàng Văn T** cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Hoàng Văn T** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo **Hoàng Văn T** phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Hoàng Văn T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Hoàng

